

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN HẢI LĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số 23/2024/HNGĐ- ST  
Ngày 30/9/2024  
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Lê Thị Liên

- Ông Trần Đình Hùng

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Ánh Phương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuý Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn và gia đình thụ lý số:96/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** anh **Võ C**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt ngày 26/9/2024.

**Bị đơn:** chị **Quang Thị May H**, sinh năm 2000; địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/9/2024, anh **Võ C** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị **Quang Thị May H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 16/6/2023 tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**. Sau khi kết hôn, do vợ chồng không hoà hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống, hai bên cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Anh và chị **H** đã sống ly thân không quan

tâm gì đến nhau. Anh **C** xác định không còn tình cảm với chị **Quang Thị May H** nên yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **Quang Thị May H**.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn chị **Quang Thị May H***: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị **Quang Thị May H** nhưng đến nay chị **Quang Thị May H** vẫn không đến Tòa án làm việc và cũng không nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 97, 177, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn anh **Võ C** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị **Quang Thị May H** chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị **Quang Thị May H** vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Về quan hệ hôn nhân: anh **Võ C** được ly hôn với chị **Quang Thị May H**.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: anh **Võ C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh **Võ C** yêu cầu được ly hôn với chị **Quang Thị May H**. Bị đơn có nơi cư trú tại **thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị** và vụ án không có yếu tố nước ngoài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Chị **Quang Thị May H** không có ý kiến phản hồi và không đến Tòa án tham gia tố tụng đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Anh **Võ C** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Võ C** và chị **Quang Thị May H**.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: anh **Võ C** và chị **Quang Thị May H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được **UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/6/2023. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh **Võ C** và chị **Quang Thị May H** là hợp pháp.

Tại biên bản xác minh ngày 10/7/2024, Hội liên hiệp phụ nữ **xã H** cho biết: Trong quá trình chung sống, giữa anh **Võ C** và chị **Quang Thị May H** hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm, anh **C** và chị **H** đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau.

Tòa án đã tổng đạt tất cả các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị **H** không đến Tòa án làm việc và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh **C**, điều đó cho thấy chị **H** không có thiện chí và không mong muốn việc hàn gắn tình cảm với anh **C**.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **C** và chị **H** đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh **Võ C** là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: không có.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: anh **Võ C** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh **Võ C** được ly hôn chị **Quang Thị May H**.
2. Về con chung: không có.
3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.
4. Về án phí: anh **Võ C** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số BLTU/2023 số 0000220 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Anh **Võ C** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: anh **Võ C** và chị **Quang Thị May H** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức H1**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Liên- Trần Đình Hùng**

**Nguyễn Đức Hoan**

